TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Đôc Lập - Tư Do - Hanh Phúc

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12/02/2018.
"*V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lý Thị Liên.

Bà Trần Thị Minh Sử.

**** Thư ký ghi biên bản phiên toà:*** Bà Vũ Thị Thu Trang - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Lệ Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 154/2017/HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2017 Về việc " Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/ QĐXX - ST ngày 08 tháng 01 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 02 ngày 26 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị L**– Sinh năm 1993 (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn M, xã G, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.
* Bị đơn: Anh **Bùi Văn T** – Sinh năm 1987 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 28/3/2017, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị* Bùi Thị L *trình bày:***

Chị và anh Bùi Văn T kết hôn với nhau từ ngày 23/11/2010 (Dương lịch). Trước khi kết hôn ông bà có được tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc, được gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đăng kí kết hôn tại UBND xã P, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới, vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại thôn C, xã P, huyện Lục Ngạn. Ban đầu tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc. Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị L xác định phát sinh từ năm 2015, đến cuối tháng 12 năm 2016 (Âm lịch) thì mâu thuẫn căng thẳng, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, anh T hay cờ bạc rượu chè, chị thường xuyên khuyên bảo nhưng anh T không nghe mà còn đánh đập chị nên chị đã bỏ về nhà ngoại tại thôn M, xã G, huyện Lục Ngạn sống ly thân anh T từ cuối tháng 12 năm 2016 (Âm lịch) đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xác định tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa.

Về ý kiến của anh T đã trình bày ngày 07/9/2017, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, thời gian Tòa án triệu tập báo anh đến Tòa để làm việc anh T không có nhà vì bỏ xuống khu công nghiệp V, tại huyện V, tỉnh Bắc Giang chung sống cùng chị nên không đồng ý ly hôn với chị và mong chị suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ thì chị xác định không còn tình cảm với anh T , chị có liên lạc với anh T có việc khi toà lên lấy lời khai ngày 07/9/2017 chị có nhắn tin cho anh T với nội dung "Anh làm thế nào thì làm, đừng để cho nó biết em với anh qua lại là được" nhưng thực tế là không qua lại, anh chị chỉ nhắn tin với nhau hỏi thăm nhau sức khoẻ. Về những lần vợ chồng cãi nhau và anh T đánh chị thì chị không báo chính quyền địa phương nên địa phương không biết. Nay chị xác định chị không còn tình cảm với anh T , nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết cho chị và anh Bùi Văn T được ly hôn.

* Về con chung: Chị xác định vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về tài sản chung, công nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

**** Tại Biên bản ghi lời khai ngày 07/9/2017, bị đơn anh Bùi Văn T trình bày:***

Anh và chị Bùi Thị L kết hôn với nhau từ ngày 21/10/2010 (Âm lịch). Trước khi kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc, được gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới, vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại thôn C, xã P, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Ban đầu tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Anh xác định, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối tháng 12 năm 2016(Âm lịch) nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên chị L đã bỏ đi làm tại công ty V tại huyện V, tỉnh Bắc Giang. Từ khi chị L bỏ đi, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên thời gian Toà triệu tập anh không có nhà là vì anh bỏ xuống huyện V, tỉnh Bắc Giang chung sống cùng chị L nên anh không đồng ý yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh. Anh mong chị L suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc.

* Về con chung: Anh T xác định vợ chồng anh không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh xác định vợ chồng anh không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 06 tháng 11 năm 2017, chính quyền địa phương nơi chị L, anh T sinh sống cung cấp: Sau khi kết hôn anh T và chị L về chung sống cùng nhau tại nhà anh T . Anh T thường đi làm ăn xa, anh không báo lại nên địa phương không nắm được cụ thể anh làm công việc gì, chỉ thi thoảng thấy anh về nhà. Về mâu thuẫn giữa anh T và chị L vợ anh thì địa phương không

được biết, không thấy vợ chồng anh chị cãi nhau bao giờ, vẫn thấy anh chị làm nhà, xây nhà bình thường nhưng địa phương được biết mâu thuẫn của anh chị đã được tổ hoà giải thôn C tiến hành hoà giải, tại buổi hào giải thì anh T không có mặt.

Tại biên bản làm việc ngày 15/11/2017 ông Bùi Xuân Đ là bố đẻ anh T cho biết: Qúa trình anh T , chị L chung sống ông thấy anh T , chị L thường xuyên cãi chửi nhau, ông có khuyên nhưng không được. Khi chị L gửi đơn ly hôn anh T đến Toà thì gia đình không biết, chỉ khi cán bộ Toà án đến giao thông báo thụ lý, giấy triệu tập cho anh T và ông nhận hộ thì ông mới được biết. Sau đó ông đã giao lại cho anh T thì anh T chưa có ý kiến gì và đi làm ăn xa. Theo ông được biết thì chị L bỏ đi từ ngày 29/12/2016 (âm lịch) đến nay chưa về lại nhà một lần nào. Vậy ông cung cấp cho Toà án làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và ý kiến về thủ tục tố tụng của Toà án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương sự theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 28; Điều 35; khoản 4 điều 147; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 3; 6; 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị L được ly hôn với anh Bùi Văn T .

- Về quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết

- Về tài sản và công nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Bùi Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp. Qúa trình chung sống: Chị L xác định vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Nên chị đã bỏ đi làm xa sống ly thân anh T từ cuối tháng 12 năm 2016 (âm lịch) đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa. Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Bùi Văn T .

Anh T cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên chị L đã bỏ đi làm tại công ty Vân Trung tại huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Từ khi chị L bỏ đi, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên

thời gian Toà triệu tập anh không có nhà là vì anh bỏ xuống huyện V, tỉnh Bắc Giang chung sống cùng chị L nên anh không đồng ý yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh. Anh mong chị L suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc.

Vì vậy Tòa án đã tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T , nhưng anh T không đến Tòa án theo giấy báo. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể chung sống cùng anh T được nữa nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử cho chị được ly hôn với anh T . Xét chị L và anh T sống ly thân nhau đã lâu, không ai quan tâm đến ai, chị L xin ly hôn anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và muốn chị L suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị L nhất mực xin ly hôn và theo gia đình anh T cho biết thì thời gian chung sống anh T , chị L thường xuyên cãi chửi nhau nên chị L bỏ nhà đi từ ngày 29/12/2016 (âm lịch) đến nay chưa về lại nhà một lần nào. Chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã căng thẳng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L xin ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Cần cho chị Bùi Thị L được ly hôn với anh Bùi Văn T .

[3]. Về con chung: Chị Bùi Thị L và anh Bùi Văn T đều xác định vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Toà án giải quyết. Vì vậy Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Bùi Thị L và anh Bùi Văn T đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 28; Điều 35; khoản 4 điều 147; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 3; 6; 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

- Về quan hệ tình cảm: Cho chị Bùi Thị L được ly hôn với anh Bùi Văn T .
- Về quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết.
- Về tài sản và công nợ chung: Không đặt ra giải quyết.
- Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2015/0000898 ngày 11/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn. Khoản tiền này được chuyển thành án phí, chị L không phải nộp án phí nữa.

Đương sự có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án xét xử vắng mặt.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Lục Ngạn;*
- *TAND Tỉnh Bắc Giang;*
- *THADS huyện lục ngạn;*
- *Đương sự;*
- *UBND xã P;*
- *Lưu hồ sơ, văn phòng.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Ngọc Hà